

# Khảo sát các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc học tập môn Giáo dục thể chất chính khóa và tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế

Nguyễn Đôn Công Uy\*, Nguyễn Đôn Vinh\*\*

\*ThS. Đại học Huế; \*\*CN. Đại học Huế

Received: 10/7/2023; Accepted: 17/7/2023; Published: 24/7/2023

**Abstract:** Applying the methods of document analysis and synthesis, expert interviews, mathematical statistics, and real-life observation, the study has evaluated the subjective factors influencing the learning of Physical Education and extracurricular Sports Training subjects among students at Hue University. The research includes the following aspects: Training schedule and time for Sports Training; Sports Training environment; Motivation and benefits of Sports Training; Awareness of the importance of Physical Education and Sports Training.

**Keywords:** Subjective; Schedule; Environment; Motivation; Benefits; Perception; Student; Hue University.

## 1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của xã hội đã tạo ra nhiều cơ hội và đồng thời là thay đổi cách thức làm việc của con người, con người bị chi phối bởi rất nhiều mối quan tâm và nhu cầu mới, gây ảnh hưởng cuộc sống hàng ngày. Tuy nghiên cứu y tế và y học ngày càng tiến bộ, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ của con người nhưng phương pháp phòng ngừa về sức khỏe là xây dựng thói quen tập luyện thể dục thể thao (TDTT) chưa nhận được sự quan tâm đúng mức.

Quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu cũng đã liên hệ các kết quả, số liệu về “Tỉ lệ vận động” của người trưởng thành trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là các thông tin có liên quan đến vấn đề mà nhóm nghiên cứu đang quan tâm:

1. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (T9/2019), Báo cáo kết quả nghiên cứu công bố trên tạp chí The Lancet Global Health “Mô hình sức khỏe kém gắn liền với đô thị hóa”.

2. Hiệp hội Tim mạch của Mỹ cho biết tình trạng ít hoạt động thể chất toàn cầu ngày càng tăng là “một mối quan tâm sâu sắc” bởi việc ít tập thể dục và rèn luyện sẽ làm tăng nguy cơ mắc các bệnh tim mạch, đột quỵ, cao huyết áp, tăng cholesterol và trọng lượng cơ thể. Như vậy có thể thấy thực trạng tỉ lệ vận động hiện nay đang ở mức thấp trên quy mô toàn cầu.

Làm sao để việc tự trang bị thói quen tập luyện và hoạt động TDTT thường xuyên trong bất cứ thời gian nào trong ngày là vấn đề mà nhóm nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu với đối tượng là SV Đại học Huế

hiện nay. Vậy để tạo cơ sở vững chắc cho việc thay đổi trong xây dựng thói quen tập luyện và hoạt động TDTT thường xuyên chúng tôi tiến hành: “*Khảo sát các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc học tập môn Giáo dục thể chất (GDTC) chính khóa và tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế*”.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Xác định các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc học tập môn GDTC chính khóa và tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế

Tiến hành xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập môn GDTC chính khóa và tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế thông qua tham khảo tài liệu, quan sát sơ phạm và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên (GV) GDTC tại Khoa GDTC - Đại học Huế.

Kết quả phỏng vấn xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập môn GDTC chính khóa và tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế gồm: Lịch trình và thời gian tập luyện TDTT; Môi trường tập luyện TDTT; Động cơ và lợi ích tập luyện TDTT và nhận thức tầm quan trọng của TDTT.

### 2.2. Thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc học tập môn GDTC chính khóa và tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế

#### (1) Nhận thức về tầm quan trọng của TDTT

Đề tài khảo sát 86 SV và 17 GV, kết quả khảo sát nhận thức về tầm quan trọng của học tập môn GDTC và tập luyện TDTT thì có 81,38% SV và 94,11% GV đánh giá mức độ “rất quan trọng” và “quan trọng”. Kết quả thể hiện ở bảng 2.1.

**Bảng 2.1. Kết quả khảo sát nhận thức về tầm quan trọng của TDDT của SV và chuyên gia**

Nội dung	SV		Chuyên gia	
	n=86	%	n=17	%
Nhận thức về tầm quan trọng của học tập GDTC và tập luyện TDDT				
Rất quan trọng	21	24.41	13	76.47
Quan trọng	49	56.97	3	17.64
Không quan trọng	16	18.60	1	5.88
Nhận thức về lợi ích của học tập GDTC và tập luyện TDDT				
Tác dụng rất tốt	4	4.65	12	70.58
Tác dụng tốt	24	27.9	4	23.52
Bình thường	32	37.2	2	11.76
Ít tác dụng	14	16.28	1	5.88
Không có tác dụng	12	13.95	0	0.00

Thông qua khảo sát về nhận thức về lợi ích của học tập GDTC và tập luyện TDDT thì GV ghi nhận có tác dụng rất tốt và tốt với tỉ lệ 94,1%, còn với SV thì chỉ đạt 32,55%.

(2) *Lịch trình và thời gian học tập GDTC, tập luyện TDDT ngoại khóa của SV Đại học Huế*

**Bảng 2.2. Thực trạng lịch trình và thời gian học tập GDTC, tập luyện TDDT của SV Đại học Huế**

Nội dung	SV Nam (n=47)		SV Nữ (n=39)		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%
	Khảo sát tần suất tập luyện TDDT					
Rất thường xuyên (> 4 buổi/tuần)	2	4.25	0	0.00	2	2.32
Thường xuyên (2-3 buổi/tuần)	11	23.40	6	15.38	17	19.76
Thỉnh thoảng	13	27.65	9	23.07	22	25.58
Không tập	21	44.68	24	61.53	45	52.32
Khảo sát thời lượng mỗi buổi tập luyện TDDT của SV Đại học Huế (thống kê dựa trên số lượng SV có tham gia tập luyện)						
1,5 giờ–2 giờ/buổi	0	0.00	0	0.00	0	0.00
45 phút–1,5 giờ/buổi	2	7.69	1	6.66	3	7.31
30 phút–1 giờ/buổi	5	19.23	2	13.33	7	17.07
Ít hơn 30 phút/buổi	19	73.07	12	80.00	31	68.88

Qua bảng 2.1 và 2.2 cho thấy: Còn 18.60% SV được hỏi cho rằng tập luyện TDDT không quan trọng; tỉ lệ 32.23% SV cho rằng tập luyện TDDT có

tác dụng ít và không có tác dụng; Tỉ lệ SV có tham gia tập luyện TDDT đạt gần 50%; tỉ lệ SV không tập luyện là 52.32% ; thời gian cho 1 buổi tập ít, chiếm 68.88%. Điều này cho thấy SV đã có nhu cầu tập luyện TDDT nhưng quá trình tập luyện còn gặp nhiều hạn chế, phản ánh rõ qua tần suất và thời lượng tập luyện TDDT.

(3) *Môi trường tập luyện và cơ sở vật chất phục vụ tập luyện TDDT của SV Đại học Huế*

Hiện tại Khoa có 02 Sân điền kinh, 08 đường chạy 100m, 02 sân cỏ nhân tạo, 06 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông, 03 sân bóng rổ, 01 sân bóng ném. Với 01 nhà thi đấu đa năng, 01 nhà thi đấu bóng bàn và khu phòng học lý thuyết với hiện trạng và chất lượng ở mức tốt và khá tốt. Với việc đưa tất cả SV Đại học Huế tập trung học các học phần GDTC tại Khoa GDTC, mật độ sử dụng CSVC dù được phân bổ luân phiên hợp lý nhằm tận dụng nhiều nhất công năng sân bãi và đảm bảo yêu cầu đào tạo nhưng thực tế quá trình giảng dạy GDTC, là môn học đặc thù, phần lớn thời gian dạy – học ở môi trường ngoài trời luôn tồn tại một số bất cập như: Không gian, trang thiết bị, khí hậu, ánh sáng .v.v...

**Bảng 2.3. Khảo sát về sự đáp ứng về môi trường học tập GDTC và tập luyện TDDT cho SV Đại học Huế**

Nội dung	Chính khóa				Ngoại khóa			
	SV (n=86)		Chuyên gia (n=17)		SV (n=86)		Chuyên gia (n=17)	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Trang thiết bị thể thao (vợt, bóng, dây, cầu, tạ...)	74	86.04	16	94.11	39	45.34	14	82.35
Không gian	66	76.74	16	94.11	69	80.23	16	94.11
Yếu tố an toàn trong tập luyện	72	83.72	15	88.23	75	87.20	9	52.94
Điều kiện khí hậu và ánh sáng	51	59.30	12	70.58	47	54.65	7	41.17
Yếu tố giao tiếp xã hội trong tập luyện	84	97.67	17	100	83	96.51	16	94.11
Yếu tố quy định, quy tắc trong tập luyện	81	94.18	17	100	78	90.69	15	88.23

(4) *Thực trạng động cơ học tập GDTC và tập luyện TDDT trong SV Đại học Huế*

**Bảng 2.4. Thực trạng động cơ học tập GDTC và tập luyện TDTT trong SV Đại học Huế**

Nội dung	Giới tính				Tổng số		Thứ tự
	Nam SV (n=47)		Nữ SV (n=39)		n	%	
	n	%	n	%			
Yêu thích hoạt động TDTT	35	74.46	27	69.23	62	72.09	3
Cải thiện sức khỏe	43	91.48	37	94.87	80	93.02	1
Trang bị và củng cố thể lực cá nhân	28	59.57	18	46.15	46	53.48	4
Tạo mối quan hệ xã hội	38	80.85	33	84.61	71	82.55	2
Giải trí và thư giãn	26	55.31	16	41.02	42	48.83	5
Phát triển kỹ năng thể thao	23	48.93	15	38.46	38	44.18	6
Bị bắt buộc hoặc nguyên nhân khác	17	36.17	19	48.71	36	41.86	7

Qua bảng 2.3 và 2.4, động cơ tập học tập môn GDTC và tập luyện TDTT của SV là những động cơ bền vững, chiếm tỉ lệ lựa chọn cao như: Cải thiện sức khỏe; Tạo mối quan hệ xã hội; Yêu thích hoạt động TDTT; Trang bị và củng cố thể lực cá nhân.

Các yếu tố có mức lựa chọn thấp (< 60%) là:

- Điều kiện khí hậu và ánh sáng trong học tập GDTC chính khóa. Nguyên nhân:

+ Nắng nóng và nhiệt độ cao vào thời gian học tập mùa hè.

+ Mưa kéo dài vào mùa mưa.

+ Khu vực tập luyện của một số môn học: bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, bóng ném...có lượng ánh sáng quá nhiều, bóng râm ít.

- Điều kiện trang thiết bị thể thao, yếu tố an toàn trong tập luyện, điều kiện khí hậu và ánh sáng trong tập luyện ngoại khóa. Nguyên nhân:

+ Tập luyện ngoài giờ SV tự trang bị nên vấn đề kinh phí sẽ là mối quan tâm chính.

+ Tập luyện ngoại khóa phần lớn SV sử dụng sân bãi công cộng, ngoài trời nên điều kiện ánh sáng, điều kiện thời tiết sẽ là các yếu tố gây gián đoạn tính liên tục trong tập luyện.

### 3. Kết luận

Qua nghiên cứu, chúng tôi rút ra các kết luận sau:

1. Những yếu tố chủ quan có ảnh hưởng đến đến việc học tập môn học GDTC chính khóa và tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế.

2. Còn 18.60% số SV được hỏi cho rằng tập luyện TDTT không quan trọng; tỉ lệ 32.23% SV cho rằng tập luyện TDTT có tác dụng ít và không có tác dụng; Tỉ lệ SV có tham gia tập luyện TDTT đạt gần 50%;

tỉ lệ SV không tập luyện là 52.32% ; Thời gian cho 1 buổi tập ít, chiếm 68.88%. Điều này cho thấy SV

đã có nhu cầu tập luyện TDTT nhưng quá trình tập luyện còn gặp nhiều hạn chế, phản ánh rõ qua tần suất và thời lượng tập luyện TDTT.

3. Động cơ tập học tập môn GDTC và tập luyện TDTT của SV là những động cơ bền vững.

Một số yếu tố về môi trường tập luyện còn tồn tại, gây ảnh hưởng đến xây dựng thói quen tập luyện TDTT cho SV Đại học Huế:

- Điều kiện khí hậu và ánh sáng trong học tập GDTC chính khóa.

- Điều kiện trang thiết bị thể thao,

yếu tố an toàn trong tập luyện, điều kiện khí hậu và ánh sáng trong tập luyện ngoại khóa.

**Nguồn:** Trích từ kết quả nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các bài tập thể chất thích ứng trong không gian hẹp nhằm phát triển thể lực chung cho SV Đại học Huế trong giai đoạn hiện nay”. Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế.

### Tài liệu tham khảo

1. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam 6- 20 tuổi*, NXB TDTT, Hà Nội.

2. Dương Nghiệp Chí (2004), *Đo lường TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

3. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (2003), *Sinh lý học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

4. Lê Văn Lâm, Vũ Đức Thu, Nguyễn Trọng Hải, Vũ Thị Huệ (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh SV Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội

5. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

6. Nguyễn Đức Văn (2001). *Phương pháp thông kê trong thể dục thể thao*. NXB thể dục thể thao, Hà Nội.

7. Phạm Viết Vượng (2000). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/2001/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 về việc “Đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*, Hà Nội.